

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v công bố công khai quyết toán thu - chi nguồn**  
**Ngân sách nhà nước năm 2017**

**GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH NINH BÌNH**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 363/2014/QĐ-SNV ngày 23/7/2014 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công;

Căn cứ Biên bản thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 ngày 4/6/2018 của Sở Tài Chính và Sở Nội vụ;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nội vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

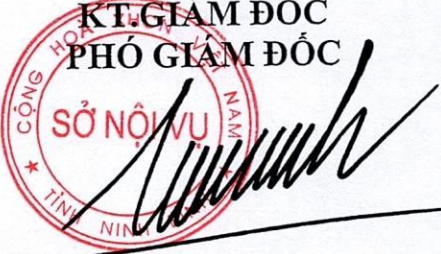
**Điều 1.** Công bố công khai quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2017 của Sở Nội vụ (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính
- Lưu: VT, VP. ✓

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**SỞ NỘI VỤ**  


**Trần Đức Minh**



Đơn vị: Văn phòng Sở Nội vụ

Chương: 435



(Kèm theo Quyết định số 362/QĐ-SNV ngày 5 / 6 /2018)

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN NĂM 2017**

| Stt | Nội dung                                  | Số liệu báo cáo quyết toán | Số liệu báo cáo được duyệt |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| I   | Quyết toán thu                            |                            |                            |
| II  | Quyết toán chi ngân sách nhà nước         | 31,569                     | 31,569                     |
| B   | Quyết toán chi ngân sách nhà nước         | 31,569                     | 31,569                     |
| 1   | Chi quản lý hành chính                    | 30,127                     | 30,127                     |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ          | 9,694                      | 9,694                      |
|     | Văn phòng Sở Nội vụ                       | 4,614                      | 4,614                      |
|     | Chi cục Văn thư - Lưu trữ                 | 2,253                      | 2,253                      |
|     | Ban tôn giáo                              | 1,174                      | 1,174                      |
|     | Ban thi đua khen thưởng                   | 1,653                      | 1,653                      |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ    | 20,433                     | 20,433                     |
|     | Văn phòng Sở Nội vụ                       | 6,279                      | 6,279                      |
|     | Chi cục Văn thư - Lưu trữ                 | 1,994                      | 1,994                      |
|     | Ban tôn giáo                              | 2,121                      | 2,121                      |
|     | Ban thi đua khen thưởng                   | 10,039                     | 10,039                     |
| 2   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề | 1,212                      | 1,212                      |
|     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên      | 1,212                      | 1,212                      |
|     | Văn phòng Sở Nội vụ                       | 801                        | 801                        |





|          |                                       |            |            |
|----------|---------------------------------------|------------|------------|
|          | Chi cục Văn thư - Lưu trữ             | 20         | 20         |
|          | Ban tôn giáo                          | 358        | 358        |
|          | Ban thi đua khen thưởng               | 33         | 33         |
| <b>3</b> | <b>Các hoạt động kinh tế</b>          | <b>30</b>  | <b>30</b>  |
|          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  | 30         | 30         |
|          | Văn phòng Sở Nội vụ                   | 30         | 30         |
|          | Chi cục Văn thư - Lưu trữ             |            |            |
|          | Ban tôn giáo                          |            |            |
|          | Ban thi đua khen thưởng               |            |            |
| <b>4</b> | <b>Chương trình mục tiêu quốc gia</b> | <b>200</b> | <b>200</b> |
|          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên  | 200        | 200        |
|          | Văn phòng Sở Nội vụ                   | 200        | 200        |
|          | Chi cục Văn thư - Lưu trữ             |            |            |
|          | Ban tôn giáo                          |            |            |
|          | Ban thi đua khen thưởng               |            |            |